

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
Chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chánh Bôn.

2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Sỹ Lộc M**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Khu 5, ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số 36, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M về việc giải quyết tài sản:

Anh **Trần Ngọc Q**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2017).

2. *Bị đơn:* Anh **Lâm Chánh P**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Khu 5, ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số 36, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Làu Sỹ M**, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Số 35, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Chị **Trần Ngọc L**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 227/4, đường N, phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh **Trần Tiến T**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 35, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số 344/67/28, đường C, khu phố N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người phiên dịch:* Bà **Chống A C**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Số 45A, phố 6, ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Nơi công tác: Ban chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
(Chị M, anh P, anh Q, bà C, bà Lâu Sỳ M có mặt; chị L, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2017, bản tự khai ngày 23/5/2017, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sỳ Lộc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện chung sống với nhau năm 1988 đến năm 1990 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/1990. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chung thủy, còn vô cớ gây sự, cãi vã và đánh đập chị. Chị nhiều lần tha thứ và cho anh P cơ hội sửa đổi nhưng anh P vẫn không thay đổi. Vì thế mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn. Nay chị không còn tình cảm với anh P nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 04 con chung là Lâm Tông S, sinh ngày 10/9/1988, Lâm Mỹ A, sinh ngày 10/4/1993, Lâm Quốc S, sinh ngày 16/5/1997 và Lâm Chánh Q, sinh ngày 05/8/2006. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Q sau khi ly hôn và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng số tiền 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu, đề nghị anh P cấp dưỡng nuôi cháu Q hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ tính từ ngày 01/4/2018. Đối với các con chung là Lâm Tông S, Lâm Mỹ A và Lâm Quốc S đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tạo lập được những tài sản chung sau đây:

- Diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 cho anh Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà bán hàng diện tích 120,6m² tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn và toàn bộ hàng hóa trong căn nhà này; căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 164m², kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tôn; nhà kho và các tài sản khác trên đất bao gồm nhà vệ sinh, hệ thống chân và bồn chứa nước.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m^2 thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nguồn gốc diện tích đất này là nhận chuyển nhượng của bà Lâu Sỳ M và ông Trần Ngọc P, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng giá trị hai diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên là 1.559.656.194đ.

- Diện tích đất $8.619,4\text{m}^2$ (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 328827 ngày 07/6/2016 cho chị và anh Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng $59,3\text{m}^2$, kết cấu tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn. Ngoài ra, trên đất có trồng 250 cây điều (điều do vợ chồng trồng vào năm 2008), 01 giếng khoan. Tổng giá trị của nhà, đất, 250 cây điều và giếng khoan 486.553.620đ.

- Số hàng hóa trong cửa hàng tạp hóa chị đang quản lý là 91.433.000đ.

- 01 chiếc xe ba gác ba bánh hiệu YNINXIANG, màu xanh tím, biển số 60B4-146.94, xe do anh P đứng tên, anh P đang giữ giấy tờ xe và anh P đang sử dụng chiếc xe này. Trị giá chiếc xe là 70.000.000đ.

- Một xe mô tô hai bánh biển số 60B4-162.78 do chị đứng tên sở hữu trị giá 22.000.000đ.

- Một xe mô tô hai bánh biển số 60B4-543.18 do anh P đứng tên sở hữu trị giá 30.000.000đ.

Đối với hai chiếc xe mô tô hai bánh chị và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy, tổng cộng trị giá tài sản chung của vợ chồng là: $1.559.656.194\text{đ} + 486.553.620\text{đ} + 91.433.000\text{đ} + 70.000.000\text{đ} = 2.207.642.814\text{đ}$.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung nêu trên, theo đó mỗi người được hưởng giá trị tài sản chung là 1.103.821.407đ. Chị yêu cầu được hưởng bằng hiện vật, cụ thể như sau:

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho chị diện tích đất thổ cư $375,8\text{m}^2$ thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 đứng tên Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà bán hàng diện tích $120,6\text{m}^2$ tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn; căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 164m^2 , kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tôn; nhà kho và các tài sản khác trên đất bao gồm nhà vệ sinh, hệ thống chân, bồn chứa nước và diện tích đất trồng cây lâu năm 394m^2 thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã xây tường rào xung quanh giáp đất chị đang ở). Tổng giá trị tài sản bằng hiện vật gồm hai diện tích đất, tài sản trên đất và giá trị hàng hóa chị yêu cầu chia là $1.559.656.194\text{đ} + 91.433.000\text{đ} = 1.651.089.194\text{đ}$.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho anh P những tài sản sau:

Diện tích đất $8.619,4\text{m}^2$ (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 328827 ngày 07/6/2016 cho chị và Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà cấp 4 xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 59,3m² kết cấu tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn. Ngoài ra, trên đất có trồng 250 cây điều (trồng năm 2008), 01 giếng khoan. Tổng giá trị là 486.553.620đ.

01 chiếc xe ba gác ba bánh hiệu YNINXIANG màu xanh tím, mang biển số 60B4-14694. Trị giá chiếc xe là 70.000.000đ.

Như vậy, giá trị những tài sản chị yêu cầu chia cho anh P là: 486.553.620đ + 70.000.000đ = 556.553.620đ. Chị đồng ý thanh toán số tiền chênh lệch cho anh P là 1.651.089.194đ – 1.103.821.407đ = 547.267.787đ.

Về nợ chung: Trước khi công khai chứng cứ và hòa giải, chị khai vợ chồng có nợ tiền mua hàng hóa của một số người và cung cấp địa chỉ những người này. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải và tại phiên Tòa chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Sỳ Lộc M cung cấp các chứng cứ: Trích lục kết hôn giữa anh P và chị M, bản sao: giấy khai sinh các con của chị M và anh P, giấy chứng minh nhân dân của chị M và anh P, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số tài liệu về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sáu (06) tờ giấy ghi nợ hàng hóa và bản photo giấy chứng nhận đăng ký mô tô.

Ngoài ra, chị M không trình bày gì thêm và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

- Theo bản tự khai ngày 27/4/2017, biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2017, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lâm Chánh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện chung sống với nhau năm 1988 đến năm 1990 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/1990. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh có nhiều bạn bè nên thường xuyên đi nhậu, ca hát dẫn đến chị M ghen tuông nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Vì những điều này đã làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Từ tháng 6/2017 thì anh đã sửa đổi không có đi chơi hay tụ tập bạn bè nữa. Anh vẫn còn tình cảm với chị M và vì các con nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 04 con chung là Lâm Tông S, sinh ngày 10/9/1988, Lâm Mỹ A, sinh ngày 10/4/1993, Lâm Quốc S, sinh ngày 16/5/1997 và Lâm Chánh Q, sinh ngày 05/8/2006. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị M ly hôn thì anh đồng ý giao cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Q sau khi ly hôn và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng số tiền 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu thời gian trợ cấp nuôi con tính từ ngày 01/4/2018 thì anh đồng ý. Đối với các con chung là Lâm Tông S, Lâm Mỹ A và Lâm Quốc S đã thành

niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị M có tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- Diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 đứng tên Lâm Chánh P là chủ sử dụng đất (đất do cha ruột anh cho riêng anh). Trên đất có một căn nhà bán hàng diện tích 120,6m² tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn; căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 164m², kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tôn; nhà kho và các tài sản khác trên đất bao gồm nhà vệ sinh, hệ thống chân và bồn chứa nước; Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nguồn gốc diện tích đất này do vợ chồng nhận chuyển nhượng của bà Lâu Sỳ M và ông Trần Ngọc P. Trị giá của đất và tài sản trên hai diện tích đất nêu trên là 1.559.656.194đ.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 8.619,4m² thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, bản đồ địa chính xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 328827 ngày 07/6/2016 đứng tên anh và chị M cùng là chủ sử dụng đất (đất do cha ruột anh cho riêng anh). Trên đất có một căn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 59,3m², kết cấu tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn. Ngoài ra, trên đất có trồng 250 cây điều (điều do vợ chồng trồng vào năm 2008), 01 giếng khoan. Tổng giá trị của nhà, đất, 250 cây điều và giếng khoan 486.553.620đ.

Hàng hóa trong cửa hàng tạp hóa trị giá 91.433.000đ.

Tổng cộng 1.651.089.194đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi một triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm chín mươi bốn đồng).

- 01 chiếc xe ba gác ba bánh hiệu YNINXIANG màu xanh tím, biển số 60B4-146.94, do anh đứng tên trên giấy tờ, hiện anh đang giữ giấy tờ xe và anh đang sử dụng chiếc xe này. Trị giá chiếc xe là 70.000.000đ.

- Một xe mô tô hai bánh biển số 60B4-162.78 do chị M đứng tên sở hữu trị giá 22.000.000đ.

- Một xe mô tô hai bánh biển số 60B4-543.18 do anh đứng tên sở hữu trị giá 30.000.000đ.

Đối với hai chiếc xe mô tô hai bánh anh và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phần trị giá các tài sản chung thì anh đồng ý với trị giá mà chị M nêu ra, anh cũng đồng ý chia đôi tài sản chung nêu trên, theo đó mỗi người được hưởng giá trị tài sản chung là 1.103.821.407đ. Anh yêu cầu được hưởng bằng hiện vật, cụ thể như sau:

Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho anh diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

V 287037 ngày 03/6/2002 cho anh đứng tên anh là chủ sử dụng đất. Trên đất có căn nhà bán hàng diện tích 120,6m² tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn; toàn bộ hàng hóa trong căn nhà này; căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 164m², kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tôn; nhà kho và các tài sản khác trên đất bao gồm nhà vệ sinh, hệ thống chân và bồn chứa nước; Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì căn nhà và diện tích đất thổ cư tại ấp 3, xã P là của cha ruột anh cho vợ chồng, hiện nay đang thờ cúng tổ tiên gia đình anh nên anh muốn ở lại căn nhà này. Tổng giá trị của hai diện tích đất, tài sản trên đất nêu trên và giá trị hàng hóa là 1.559.656.194đ + 91.433.000đ = 1.651.089.194đ.

Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho chị M những tài sản sau:

+ Diện tích đất 8.619,4m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 328827 ngày 07/6/2016 cho anh và chị M cùng là chủ sử dụng đất. Trên đất có một căn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 59,3m² kết cấu tường gạch, nền xi măng, mái tôn. Ngoài ra, trên đất có trồng 250 cây điều (trồng năm 2008), 01 giếng khoan. Tổng giá trị là 486.553.620đ.

+ 01 chiếc xe ba gác ba bánh hiệu YNINXIANG màu xanh tím, mang biển số 60B4-146.94, giấy chứng nhận quyền sở hữu xe đứng tên Lâm Chánh P. Trị giá chiếc xe là 70.000.000đ.

Như vậy, giá trị những tài sản anh yêu cầu chia cho chị M là 486.553.620đ + 70.000.000đ = 556.553.620đ.

Tuy anh nhận tài sản nhiều hơn chị M là 547.267.787đ nhưng anh không đồng ý thanh toán số tiền chênh lệch cho chị M, vì ngược gốc tài sản mà anh yêu cầu được nhận là của cha ruột anh cho anh.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh P không trình bày gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Làu Sỳ M trình bày:

Ngày 20/10/2008 bà và chồng bà là ông Trần Ngọc P (đã chết) có chuyển nhượng cho chị Sỳ Lộc M và anh Lâm Chánh P 01 diện tích đất trồng cây lâu năm với chiều dài 26m chiều ngang 22m, diện tích đất có tứ cận phía tây giáp đất ông Lưu Văn T, phía Nam giáp đất bà Đặng Thị D và phía Đông giáp đất ông Dịp Sám C. Trên đất có khoảng 4 - 5 cây điều, cây điều đã lâu năm không còn cho trái nên không có giá trị. Hai bên có làm giấy tay, chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Giá cả chuyển nhượng là 15.000.000đ, vợ chồng bà đã nhận đủ số tiền 15.000.000đ và đã giao đất cho vợ chồng anh P chị M quản lý, sử dụng từ năm 2008 cho đến nay. Nay bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho chị M và anh P. Bà xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa.

Ngoài ra, bà M không trình bày gì thêm và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 16/10/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Ngọc L và anh Trần Tiến T trình bày:

Anh chị là con ruột của bà Làu Sỳ M và ông Trần Ngọc P. Ông P ba anh chị đã chết. Việc cha mẹ ruột anh chị là bà Làu Sỳ M và ông Trần Ngọc P chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Sỳ Lộc M và anh Lâm Chánh P thì anh chị không biết. Sau này, anh chị mới nghe cha mẹ nói nhưng không biết cụ thể diện tích, giá cả chuyển nhượng và đã làm thủ tục sang tên chưa. Nay chị Sỳ Lộc M khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong đó có đất đã nhận chuyển nhượng của cha mẹ anh thì anh chị không có ý kiến hay tranh chấp gì với chị M và anh P vì diện tích đất trên là tài sản chung của cha mẹ, đồng thời anh chị cũng không có đóng góp công sức vào khối tài sản này. Do anh chị không liên quan gì đến diện tích đất mà chị Sỳ Lộc M yêu cầu chia tài sản chung nên anh chị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa.

Ngoài ra, chị L và anh T không trình bày gì thêm và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ:

Về tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị M và anh P đã nảy sinh mâu thuẫn, chị M đã xin ly hôn nhiều lần và đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không được, khả năng đoàn tụ không có vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Tại phiên tòa, anh P đồng ý ly hôn nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị M được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị M có nguyện vọng được nuôi con là Lâm Chánh Q sinh ngày 05/8/2006 và anh P cũng đồng ý giao con chung cho chị M, đề nghị giao con chung cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được thực hiện theo quy định của pháp luật. Anh Phong đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng và diện tích đất

trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, cùng toàn bộ tài sản trên đất và giá trị hàng hóa chị M đang quản lý. Trị giá của quyền sử dụng đất, tài sản trên hai diện tích đất và giá trị hàng hóa giao cho chị M là 1.651.089.194đ. Giao cho anh P Diện tích đất 8.619,4m² thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, cùng toàn bộ tài sản trên đất và 01 chiếc xe ba gác ba bánh hiệu YNINXIANG màu xanh tím, mang biển số 60B4-14694. Tổng giá trị là 556.553.620đ. Chị M phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh P là 547.627.787đ.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí hôn nhân nhân gia đình sơ thẩm, anh P chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, anh P và chị M phải chịu tiền án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Sỳ Lộc M khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung và chia tài sản chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lâm Chánh P hiện đang cư trú tại Khu 5, ấp S, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và các bên tranh chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Sỳ Lộc M là nguyên đơn, anh Lâm Chánh P là bị đơn, bà Làu Sỳ M, chị Trần Ngọc L và anh Trần Tiến T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị M có khai là vợ chồng có nợ tiền hàng hóa của một số người, Tòa án đã tiến hành làm việc và thông báo cho họ khởi kiện nhưng họ không khởi kiện, nên Tòa án không đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án. Đối với ông Lâm A T (cha ruột anh P) có lời khai không có tranh chấp với vợ chồng anh P nên không đưa ông T tham gia tố tụng.

[4] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Ngọc L và anh Trần Tiến T có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sỳ Lộc M và anh Lâm Chánh P tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/1990, nên hôn nhân giữa chị M và anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị M: Chị M xin ly hôn với lý do anh P là người không chung thủy, chị M tha thứ nhiều lần nhưng anh P không thay đổi, anh P còn có hành vi bạo lực đối với chị. Chị M không còn tình cảm với anh P, khả năng đoàn tụ không có. Anh P cũng thừa nhận anh có nhiều bạn bè hay đi nhậu nhẹt nên chị M hay ghen tuông nhưng anh vẫn còn tình cảm với vợ và vì các con nên anh không đồng ý ly hôn. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện lời khai của chị M và anh P chính xác, vợ chồng có mâu thuẫn và đã được chính quyền địa phương hòa giải (bút lục 306 - 314).

Qua xem xét lời trình bày của chị M, anh P và chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị M thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị M đã nhiều lần làm đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, anh P cho rằng vẫn còn tình cảm với chị M nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong thời gian chị M rút lại đơn xin ly hôn. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị M, anh P đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có, chị M không còn tình cảm với anh P, tại phiên tòa án P cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Lâm Chánh P theo Điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Sỳ Lộc M và anh Lâm Chánh P có 04 con chung là Lâm Tông S, sinh ngày 10/9/1988, Lâm Mỹ A, sinh ngày 10/4/1993, Lâm Quốc S, sinh ngày 16/5/1997 và Lâm Chánh Q, sinh ngày 05/8/2006. Các cháu S, A và Quốc S đã trưởng thành, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi và cấp dưỡng đối với các cháu này nên không đặt ra việc nuôi con và cấp dưỡng đối với các cháu S, A và Quốc S. Đối với cháu Q hiện chưa đủ 18 tuổi, chị M xin nuôi cháu Q sau ly hôn. Xét thấy, cháu Q đang sống cùng chị M và chị M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Anh P cũng đồng ý giao con chung là cháu Q cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Qua tham khảo ý kiến thì cháu Q có nguyện vọng sống cùng với mẹ (bút lục 73), nên giao cháu Q cho chị M trực tiếp chăm sóc sau ly hôn. Anh P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, chị M và anh P được quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng số tiền 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/4/2018. Anh P đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị M và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Q từ ngày 01/4/2018 nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị M và anh P thống nhất vợ chồng có các tài sản chung như sau:

- Diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã Phú T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 cho Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà bán hàng diện tích 120,6m² tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn; hàng hóa trong căn nhà này trị giá 91.433.000đ (chị M đang quản lý); căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 164m², kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tôn; nhà kho và các tài sản khác trên đất bao gồm nhà vệ sinh, hệ thống chân và bồn chứa nước.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nguồn gốc diện tích đất này do vợ chồng nhận chuyển nhượng của bà Làu Sỳ M và ông Trần Ngọc P. Đối với diện tích đất này, tuy anh P và chị M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc P và bà Làu Sỳ M. Qua xác minh thể hiện diện tích đất này được quy hoạch là đất ở nông thôn. Ông Trần Ngọc P đã chết, vợ và con ông P xác định không tranh chấp đối với diện tích đất này. Do đó, diện tích đất này là tài sản hợp pháp của chị M và anh P. Tổng trị giá của hai diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên là 1.559.656.194đ.

- Diện tích đất 8.619,4m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 328827 ngày 07/6/2016 cho chị M và anh Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 59,3m², kết cấu tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn. Ngoài ra, trên đất có trồng 250 cây điều, 01 giếng khoan. Tổng giá trị của nhà, đất, 250 cây điều và giếng khoan 486.553.620đ.

- Trị giá hàng hóa trong cửa hàng tạp hóa 91.433.000đ (chị M được giao quản lý số hàng hóa này).

- 01 chiếc xe ba gác ba bánh hiệu YNINXIANG màu xanh tím, biển số 60B4-14694, xe do anh P đứng tên, anh P đang giữ giấy tờ xe và anh P đang sử dụng chiếc xe này. Trị giá chiếc xe là 70.000.000đ.

- Một xe mô tô hai bánh biển số 60B4-162.78 do chị đứng tên sở hữu trị giá 22.000.000đ.

- Một xe mô tô hai bánh biển số 60B4-543.18 do anh P đứng tên sở hữu trị giá 30.000.000đ.

Anh P và chị M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là hai chiếc xe mô tô hai bánh biển số 60B4-162.78 và 60B4-543.18.

Như vậy, tổng cộng trị giá tài sản chung của vợ chồng gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, giá trị hàng hóa và giá trị xe mô tô 3 bánh là: 1.559.656.194đ + 486.553.620đ + 91.433.000đ + 70.000.000đ = 2.207.642.814đ.

Về nguồn gốc đất:

Theo chị M trình bày thì đất do vợ chồng nhận chuyển nhượng của người khác, còn nhà và công trình xây dựng và cây trồng trên đất do vợ chồng bỏ tiền ra xây dựng và đầu tư.

Anh P trình bày diện tích đất $375,8m^2$ và $8.619,4m^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do cha anh cho riêng anh, còn nhà và tài sản trên đất thì do vợ chồng bỏ tiền ra xây dựng. Đối với diện tích đất $394m^2$ là do vợ chồng bỏ tiền ra để nhận chuyển nhượng của bà Làu Sỳ M. Còn nhà và công trình xây dựng và cây trồng trên đất do vợ chồng bỏ tiền ra xây dựng và đầu tư.

Các tài liệu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện anh P đứng tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất $375,8m^2$ (bút lục 210, 211) bằng giấy tay. Qua làm việc với ông Lâm A T là cha ruột của anh P thể hiện: Diện tích đất $375,8m^2$ ông mua 02 chỉ vàng nhưng ông chỉ trả cho người bán đất 1,5 chỉ, vợ chồng anh P trả 0,5 chỉ, còn diện tích đất $8.619,4m^2$ ông nhận chuyển nhượng của người khác, nhưng ông đã cho vợ chồng anh P hai diện tích đất này và không có tranh chấp đòi lại hai diện tích đất này đối với vợ chồng anh P (bút lục 193, 194).

Tại phiên tòa, chị M và anh P thừa nhận nguồn gốc hai diện tích đất $375,8m^2$ và $8.619,4m^2$ mà ông T khai là chính xác.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận tài sản chung là đất có nguồn gốc từ ông T là cha ruột anh P cho vợ chồng anh P một phần, còn vợ chồng anh P bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng một phần và đầu tư, xây dựng toàn bộ tài sản trên đất.

Về công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung: Như nhận định trên, tài sản một phần do cha anh P cho cả hai vợ chồng anh P, một phần do vợ chồng tạo lập, anh P và chị M đã đầu tư, xây dựng tài sản trên đất và sử dụng tài sản này để lo cho gia đình cũng như sử dụng chung vào các công việc khác, anh P là người có lỗi dẫn đến việc ly hôn, nên công sức đóng góp của vợ chồng được xác định là ngang nhau, do đó, tài sản chung được chia đôi theo quy định của pháp luật. Anh P cho rằng đất do cha ruột anh cho riêng nên anh có công sức đóng góp nhiều hơn là không có căn cứ, bởi lẽ: Ông T khai là cho cả hai vợ chồng chị M và anh P, chứ không cho riêng anh P để sau đó anh P nhập vào tài sản chung vợ chồng. Mặt khác, sau khi nhận đất thì chị M và anh P cùng lo làm ăn để xây nhà, đầu tư tạo thêm một số tài sản khác và sử dụng tài sản này để lo cho gia đình, con cái và các công việc chung khác của vợ chồng.

Về yêu cầu chia tài sản của các bên:

Chị M yêu cầu chia đôi tài sản và yêu cầu chia bằng hiện vật là: Diện tích đất thổ cư $375,8m^2$ thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 cho anh Lâm Chánh P; diện tích đất trồng cây lâu năm $394m^2$ thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ tài sản trên hai diện tích đất này. Tổng trị giá quyền sử dụng của hai diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên là 1.559.656.194đ. Toàn bộ hàng hóa chị M đang quản lý có giá trị là 91.433.000. Tổng giá trị tài sản chị M yêu cầu được chia là 1.651.089.194đ. Chị yêu cầu chia cho anh P diện tích đất $8.619,4m^2$ thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ và tài sản trên diện tích đất này trị giá 486.553.620đ và chiếc xe ba bánh trị giá 70.000.000đ. Tổng cộng tài sản chia cho anh P có giá trị là 556.553.620đ. Chị sẽ thanh toán tiền chênh lệch tài sản do chị nhận nhiều hơn cho anh P là $1.651.089.194đ - 1.103.821.407 = 547.267.787đ$.

Anh P yêu cầu được chia tài sản bằng hiện vật là: Diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 cho anh Lâm Chánh P; Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, tài sản trên hai diện tích đất này và toàn bộ hàng hóa chị M đang quản lý trị giá là 91.433.000đ. Tổng trị giá của hai diện tích đất, tài sản trên đất và giá trị hàng hóa nêu trên là 1.651.089.194đ. Anh yêu cầu chia cho chị M diện tích đất 8.619,4m² thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ và tài sản trên diện tích đất này trị giá 486.553.620đ và chiếc xe ba bánh trị giá 70.000.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản mà chị M được nhận là 556.553.620đ. Anh không đồng ý thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị M vì nguồn gốc đất do cha anh là ông Lâm A T cho riêng anh và anh không có tiền để thanh toán cho chị M do tiền bạc trong gia đình do chị M quản lý.

Xét yêu cầu của các bên:

Đối với yêu cầu của chị M: Chị M là phụ nữ, phải nuôi con và đang kinh doanh tạp hóa và có nhu cầu chỗ ở để nuôi con. Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân gia đình quy định như sau: “Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng tính đến các yếu tố sau: ...c) Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập”. Hơn nữa, ông T là cha ruột của anh P cũng mong muốn giao nhà đất cho chị M (bút lục 194). Do đó, chấp nhận yêu cầu chia hiện vật là diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002; Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, cùng toàn bộ tài sản trên hai diện tích đất này và toàn bộ hàng hóa theo Chứng thư thẩm định giá số 140/2017/CT-Tvcorp ngày 16/11/2017 của công ty cổ phần thẩm định giá Thuận Việt có giá trị 91.433.000đ.

Đối với yêu cầu của anh P: Như nhận định trên, chị M là nữ, nuôi con nhỏ, có nhu cầu nhà ở và đang kinh doanh tạp hóa. Anh P tuy cũng có nhu cầu nhà ở và làm nhà thờ cúng tổ tiên nhưng anh Phong là nam giới thì khả năng tạo lập chỗ ở mới sẽ thuận tiện hơn so với chị M. Mặt khác, việc canh tác đất nông nghiệp và việc sử dụng xe ba bánh của anh P sẽ thuận lợi hơn chị M. Nên yêu cầu chia tài sản là nhà đất và giá trị hàng hóa là không phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh P. Tại phiên tòa, anh P trình bày nếu giao rẫy và xe ba gác cho anh thì phải chia cho anh $\frac{2}{3}$ giá trị tài sản chung, lời trình bày này của anh P không có căn cứ chấp nhận vì Luật hôn nhân gia đình quy định vợ chồng có công sức ngang nhau thì tài sản chung được chia đôi.

Tổng trị giá tài sản chung của vợ chồng là 2.207.642.814đ. Chị M và anh P được chia phần tài sản bằng nhau là 1.103.821.407đ. Phần tài sản được chia cụ thể như sau:

+ Chia cho chị M được quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 cho anh Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà bán hàng diện tích 120,6m² tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn và toàn bộ hàng hóa trong căn nhà này; căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 164m², kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tôn; nhà kho và các tài sản khác trên đất bao gồm nhà vệ sinh, hệ thống chân và bồn chứa nước.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Toàn bộ hàng hóa trị giá 91.433.000đ (chị Múi đang quản lý).

Tổng trị giá tài sản chị M được chia là 1.651.089.194đ.

+ Chia cho anh P được quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất 8.619,4m² (đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 328827 ngày 07/6/2016 cho chị M và anh Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 59,3m², kết cấu tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn. Ngoài ra, trên đất có trồng 250 cây điều, 01 giếng khoan. Tổng giá trị của nhà, đất, 250 cây điều và giếng khoan 486.553.620đ.

- 01 chiếc xe ba gác ba bánh hiệu YNINXIANG, màu xanh tím, biển số 60B4-146.94, xe do anh P đứng tên, anh P đang giữ giấy tờ xe và anh P đang sử dụng chiếc xe này. Trị giá chiếc xe là 70.000.000đ.

Tổng trị giá tài sản anh P được chia là 556.553.620đ.

Theo Khoản 3 Điều 59 quy định như sau: “Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị; bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần chênh lệch”. Do đó, chị M phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản được chia cho anh P là 547.267.787đ.

Tài sản được chia cho chị M và anh P có giá trị và diện tích theo Chứng thư thẩm định giá số 140/2017/CT-Tvcorp ngày 16/11/2017 của công ty cổ phần thẩm định giá Thuận Việt, Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1239/2017 và 1240/2017 (tỷ lệ 1/500) ngày 16/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Đ.

Chị M và anh P có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với các tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Do căn nhà trên diện tích đất rẫy chia cho anh P chưa có nội thất và các trang thiết bị tối thiểu để vào ở ngay được (điện, nước...) mà phải sửa chữa và mua sắm trang thiết bị tối thiểu mới vào ở được, hiện tại anh P chưa có chỗ ở khác, căn cứ quy định tại Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình thì anh P được lưu cư trong căn nhà của vợ chồng hiện tại (đã chia cho chị M) trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt (ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

Về nợ chung: Trong quá trình tiến hành tố tụng, chị M khai và cung cấp chứng cứ có nợ một số người như: Bà Lê Thị Thu H, bà Phan Thị Thúy H, anh Trần Cao T, bà Nguyễn Thị N, ông Sái Phúc Q, bà Vòng Mỹ H. Tòa án đã tiến hành làm việc và thông báo cho những người này khởi kiện theo quy định nhưng họ không khởi kiện (bút lục 149, 150, 153, 154, 162, 163). Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết nợ chung trong vụ án này. Những người này có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 55.435.590đ làm tròn là 55.435.000đ (bút lục 326). Theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị M và anh P mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền chi phí tố tụng là 27.717.500đ. Chị M đã nộp tạm ứng đủ tiền chi phí tố tụng nên anh P phải hoàn trả lại cho chị M 27.717.500đ.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Sỳ Lộc M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 45.114.642đ (làm tròn 45.115.000đ) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Tổng cộng là 45.415.000đ. Anh Lâm Chánh P phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con và 45.114.642đ (làm tròn 45.115.000đ) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Tổng cộng là 45.415.000đ.

Về quyền kháng cáo: Chị Sỳ Lộc M, anh Lâm Chánh P và bà Làu Sỳ M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Ngọc L và anh Trần Tiến T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về cơ bản là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 157, 165, 207, 220, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 62, 63, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 115, 158, 159, 189, 210, 213, 219, 223 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Sỳ Lộc M. Chị Sỳ Lộc M được ly hôn với anh Lâm Chánh P

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Chánh Q, sinh ngày 05/8/2006 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Anh P được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, chị M và anh P được quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lâm Chánh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2018 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung:

Chia cho chị Sỷ Lộc M được quản lý, sử dụng, sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất thổ cư 375,8m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 49, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 287037 ngày 03/6/2002 cho anh Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà bán hàng diện tích 120,6m² tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn; căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 164m², kết cấu tường gạch, nền gạch bông, mái tôn; nhà kho và các tài sản khác trên đất bao gồm nhà vệ sinh, hệ thống chân và bồn chứa nước.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 394m² thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 48, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Số hàng hóa trị giá hàng hóa 91.433.000đ (chị M đang quản lý).

Tài sản được chia cho chị M có giá trị và diện tích theo Chứng thư thẩm định giá số 140/2017/CT-Tvcorp ngày 16/11/2017 của công ty cổ phần thẩm định giá Thuận Việt, Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1239/2017 (tỷ lệ 1/500) ngày 16/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Đ.

Tổng trị giá tài sản chị M được chia là 1.651.089.194đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi một triệu không trăm tám mươi chín ngàn một trăm chín mươi bốn đồng).

+ Chia cho anh P được quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản sau:

- Diện tích đất trồng cây lâu năm 8.619,4m² thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 39, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 328827 ngày 07/6/2016 cho chị Sỷ Lộc M và anh Lâm Chánh P. Trên đất có một căn nhà cấp 4 do vợ chồng xây dựng vào năm 2010, diện tích xây dựng 59,3m², kết cấu tường gạch, nền láng xi măng, mái tôn, 250 cây điều và 01 giếng khoan.

- 01 chiếc xe ba gác ba bánh do anh Lâm Chánh P đứng tên chủ sở hữu, hiệu YNINXIANG, màu xanh tím, biển số 60B4-146.94, số khung: 1058C013714, số máy: FMJ08013714 (anh P đang giữ giấy tờ xe và đang sử dụng chiếc xe này).

Tài sản được chia cho anh P có giá trị và diện tích theo Chứng thư thẩm định giá số 140/2017/CT-Tvcorp ngày 16/11/2017 của công ty cổ phần thẩm định giá Thuận Việt, Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1240/2017 (tỷ lệ 1/500) ngày 16/10/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Đ.

Tổng trị giá tài sản anh P được chia là 556.553.620đ (Năm trăm năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Chị Sỷ Lộc M phải thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản được chia cho anh Lâm Chánh P là 547.267.787đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng). Anh Lâm Chánh P được sở hữu số tiền này.

Chị M và anh P có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với các tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Anh Lâm Chánh P được lưu cư trong căn nhà của vợ chồng hiện tại (căn nhà đã chia cho chị M) trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt (ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

5. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

6. Về chi phí tố tụng: Anh Lâm Chánh P và chị Sỳ Lộc M mỗi người phải chịu 27.717.500đ. Chị Sỳ Lộc M đã nộp xong. Anh Lâm Chánh P phải thanh toán lại cho chị Sỳ Lộc M 27.717.500đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí:

Chị Sỳ Lộc M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 45.115.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Tổng cộng là 45.415.000đ. Số tiền 12.300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm chị M đã nộp theo biên lai số 004123 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được tính trừ vào tiền án phí chị M phải chịu. Chị M còn phải nộp tiếp 33.115.000đ.

Anh Lâm Chánh P phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 45.115.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Tổng cộng là 45.415.000đ.

8. Chị Sỳ Lộc M, anh Lâm Chánh P và bà Làu Sỳ M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Ngọc L và anh Trần Tiến T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu.

Phan Thanh Hà